TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 242/2018/QĐST-HNGĐ	*Rạch Giá, ngày 24 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án Dân sự thụ lý số: 172/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Trần Tuấn Kh, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Số nhà 112/21/14 đường NTT, khu phố 5, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

* Bị đơn: Chị Trần Thị Kim O, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số nhà 112/21/14 đường NTT, khu phố 5, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 9; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Tuấn Kh và chị Trần Thị Kim O.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tuấn Kh và chị Trần Thị Kim O xác định vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Trần Tuấn Kh và chị Trần Thị Kim O xác định có 03 người con chung tên Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 28/7/1987, Trần Thị Thuỳ L, sinh ngày 31/10/1988, Trần Thị Bích Ng, sinh ngày 04/8/1990 (hiện nay các con đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

- Về tài sản chung: Anh Trần Tuấn Kh và chị Trần Thị Kim O xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Tuấn Kh và chị Trần Thị Kim O xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do thuận tình ly hôn nên án phí phải nộp là 150.000 đồng, anh Kh và chị O mỗi người phải nộp là 75.000 đồng. Anh Kh tự nguyện nộp thay cho chị O 75.000 đồng nên anh Kh phải nộp án phí là 150.000 đồng. Anh Kh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004545 ngày 06/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, Kiên Giang nên anh Kh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

THẠCH SÔ PHÉP

- Căn cứ vào Điều 8, khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;